

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ thứ 4, HĐND tỉnh khóa X**

Thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh khóa X. UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

1. Đối với việc cung cấp nước sinh hoạt và giá nước tại các huyện vùng hạ

* UBND tỉnh tập trung thực hiện Kết luận số 218/KL-HĐND ngày 19/4/2021 của Thường trực HĐND tỉnh tại Chương trình Đối thoại về vấn đề điện, nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở nông thôn, sớm giải quyết các khó khăn, bức xúc đã được chỉ ra, nhất là vấn đề cung cấp nước sạch cho Nhân dân các huyện vùng hạ đã được đại biểu HĐND tỉnh đặt ra tại phiên chất vấn kỳ họp này.

* Khẩn trương đưa ra giải pháp căn cơ, quyết liệt, để khi ban hành giá nước sinh hoạt đến người dân ở mức vừa phải, giá đầu vào của nhà phân phối trung gian bảo đảm bù đắp chi phí, giá bán của đơn vị cấp nước sạch bảo đảm có lợi nhuận. UBND tỉnh có trách nhiệm điều phối hài hòa, hợp lý cho các đối tượng có liên quan, đáp ứng sự mong mỏi từ lâu của người dân vùng hạ về sử dụng nước sinh hoạt với giá hợp lý.

a) Các nội dung đã triển khai thực hiện:

- Ngày 04/8/2021, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 7783/UBND-KTTC yêu cầu các sở, ngành chức năng, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các định hướng, giải pháp khắc phục khó khăn, tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về vấn đề cấp nước sạch cho người dân nông thôn trong thời gian tới nhằm nâng cao tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phục vụ sinh hoạt cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, từng bước thực hiện hoàn thành mục tiêu nước sạch theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Về việc chấn chỉnh công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước nông thôn (CTCN), công tác đầu tư xây dựng CTCN: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, kết

quả như sau:

+ Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 5263/SNN-TTNS ngày 20/10/2021 về việc đôn đốc các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại Chương trình đối thoại về vấn đề điện, nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở nông thôn; Công văn số 2245/SNN-TTNS ngày 10/5/2021 về việc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2021, giai đoạn 2021-2025; Công văn số 1528/SNN-TTNS ngày 05/4/2021 về đầu tư xây dựng, nâng cấp CTCN đạt chất lượng nước sạch theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế; theo dõi, đôn đốc đầu tư 12 danh mục công trình cấp nước (DMCT) kế hoạch năm 2021, hiện có 03 DMCT đã nghiệm thu đưa vào sử dụng, 09 DMCT đang triển khai thi công; giải ngân 41.837/50.000 triệu đồng, đạt 83,67%.

+ Phần lớn UBND các huyện như: Thanh Hóa, Vĩnh Hưng, Châu Thành, Tân Thạnh, Thủ Thừa, Mộc Hóa, thành phố Tân An... đã chỉ đạo, hướng dẫn các xã quản lý, vận hành CTCN từng bước đi vào nề nếp, các địa phương đã hướng dẫn, giám sát việc xây dựng bảng giá nước các CTCN do UBND xã quản lý, báo cáo kê khai lần đầu, trích nộp khấu hao đúng theo quy định.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố đã quan tâm chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn quy trình xử lý nước, khử trùng nước để đạt chất lượng nước sạch nhằm chấn chỉnh các cơ sở cấp nước phải nâng cấp, đầu tư hệ thống khử trùng nước để đạt chất lượng nước sạch.

+ Ngoài các nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cấp nước nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng cân đối nguồn vốn ngân sách huyện, xã nhân dân đóng góp; vận động các doanh nghiệp, tư nhân đang quản lý các cơ sở cấp nước tại địa phương thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống lọc, khử trùng nước cho các CTCN chưa đạt chất lượng nước sạch, nâng cấp mở rộng, kéo dài tuyến ống cấp nước tại các huyện như: Cần Đước, Tân Thạnh, Đức Huệ, Thanh Hóa, Châu Thành, Thủ Thừa, Đức Hòa, thành phố Tân An để đảm bảo đạt chất lượng nước sạch theo quy chuẩn hiện hành.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố đã đăng ký cơ sở cung cấp nước xây dựng và thực hiện kế hoạch CNAT năm 2021; hiện đã có 15 cơ sở cấp nước đăng ký thực hiện kế hoạch CNAT năm 2021 sau đó đánh giá và nhân rộng.

+ Tiếp tục rà soát, đánh giá lại các CTCN để xác định giá trị còn lại đối với các CTCN có nguồn gốc từ nguồn ngân sách nhà nước hoạt động kém hiệu quả, để chuẩn bị cho việc lựa chọn nhà thầu quản lý khi có quy định mới ban hành, điển hình như các huyện: Tân Thạnh, Thanh Hóa, Thủ Thừa, Vĩnh Hưng, Đức Hòa, Mộc Hóa,...

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng tiếp tục triển khai Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch cấp nước Vùng tỉnh Long An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong quá trình thực hiện Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh điều phối vùng cấp nước cho phù hợp với Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; điều chuyển vùng cấp nước của các dự án triển khai chậm hoặc không triển khai cho các đơn vị cấp nước dẫn nước nhanh về các vùng theo quy hoạch. Đối với trường hợp đơn vị cấp nước không đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ và kế hoạch phát triển cấp nước thì yêu cầu địa phương đề xuất thay đổi đơn vị cấp nước theo quy định của Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ.

- Các dự án lớn xử lý nước mặt đã có chủ trương đầu tư như: Công ty Cổ phần nước AquaOne, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Mỹ Vinh, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Long An và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Long, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan đôn đốc triển khai thi công, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc để chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ.

- Về kêu gọi vốn đầu tư, huy động nhiều nguồn lực cùng tham gia thực hiện các dự án cấp nước tập trung, trong đó chú trọng nguồn vốn từ kêu gọi xã hội hóa: UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên đến nay chưa thực hiện nội dung này.

- Về việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước mặt, hạn chế khai thác nước dưới đất: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai Dự án phân vùng xả nước thải vào các sông chính trên địa bàn tỉnh Long An; triển khai dự án “Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Long An” đã được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 24/4/2020, Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 về việc phê duyệt Danh mục vùng cấm, hạn chế, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Long An và các Bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất và Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 09/5/2016 về việc tăng cường công tác quản lý khai thác tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện các thủ tục tham mưu điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ; đóng bít 352 giếng/404 giếng (đã trám lấp 269 giếng) của 17 Khu, Cụm công nghiệp trong phạm vi cấp

nước mặt của Nhà máy nước Hòa Khánh Tây.

+ Tiếp tục triển khai công tác quan trắc, giám sát tài nguyên nước được thực hiện định kỳ hàng năm, chuỗi kết quả quan trắc môi trường nhằm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường qua các năm, trong đó quan trắc nước mặt 68 vị trí và quan trắc nước ngầm tại 48 vị trí. Các kết quả quan trắc trong thời gian qua cho thấy chất lượng nước ngầm trên địa bàn tỉnh Long An còn khá tốt, ít ô nhiễm hữu cơ, các thông số khó xử lý và độc hại như As, Hg, Phenol đều đạt quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, một số vị trí quan trắc có hàm lượng Cl⁻ và một số kim loại mà đặc trưng nhất là Fe và Mn vượt quy chuẩn cho phép.

+ Triển khai dự án “Xây dựng danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Long An”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký hợp đồng số 36/HĐDV-STNMT ngày 9/7/2021 với đơn vị tư vấn lập đề cương và dự toán kinh phí thực hiện dự án, thời gian triển khai hoàn thành dự kiến 2021-2022.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước các CTCN theo hướng dẫn Thông tư 41/2018/TT-BYT; kiểm tra về đảm bảo chất lượng nước sạch, cấp nước an toàn, chống thất thoát thất thu nước sạch tại các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh. Kết quả: Tổng số đơn vị được kiểm tra, giám sát là 40 đơn vị (trong đó có 10 đơn vị cấp nước từ 1.000m³/ngày đêm trở lên); tổng số mẫu được xét nghiệm là 150 mẫu (trong đó có 60 mẫu nước thành phẩm, 50 mẫu nước dưới đất và 40 mẫu nước mặt); số mẫu nước thành phẩm không đạt là 45/60 mẫu (chiếm tỷ lệ 75%); số mẫu nước mặt đạt là 40/40 mẫu (chiếm tỷ lệ 100%); số mẫu nước dưới đất không đạt là 24/50 mẫu (chiếm tỷ lệ 48%).

- Về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 11964/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc thành lập Hội đồng thẩm tra hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương. Sau khi có kết quả thẩm tra, UBND tỉnh sẽ trình Bộ Y tế cho ý kiến để ban hành quyết định.

b) Kết quả giải quyết các tồn đọng, bất cập về cung cấp nước sạch do đại biểu HĐND tỉnh và các cử tri phản ánh tại Chương trình Đối thoại:

- Giải quyết tình trạng thiếu nước tại xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đước nói riêng và vùng hạ của huyện Cần Đước, Cần Giuộc nói chung:

+ Để cấp nước cho xã Long Hựu Tây, UBND tỉnh đã bố trí nguồn vốn chống hạn, xâm nhập mặn năm 2020, đầu tư tuyến ống cấp 2 hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2021 dẫn nguồn nước từ Trạm bơm tăng áp tại xã Long Hựu Đông do Công ty TNHH MTV Cầu Nổi quản lý cấp nước cho người dân. Tuy nhiên, do thỏa thuận ký kết hợp đồng giữa Công ty CP Nước và Môi trường Cần

Được và Công ty TNHH MTV Cầu Nổi chưa thống nhất nên một số hộ dân trong khu vực nhà máy này vẫn còn thiếu nước sạch sinh hoạt và một số hộ dân sống phân tán vẫn còn thiếu nước do chưa có điều kiện tiếp cận trạm cấp nước tập trung (TCN).

+ Các dự án cấp nước cho các xã vùng hạ huyện Cần Đức, Cần Giuộc mặc dù cơ bản đã hoàn thành, các sở ngành đã phối hợp với địa phương đơn đốc công tác đầu nối tiếp nhận nguồn nước sạch của Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP - Long An với công suất phát nước 35.000 m³/ngày.đêm (Công ty cũng đã triển khai thi công hoàn thành 6 km từ Ngã tư Đông Thạnh đến Cảng Tân Tập, huyện Cần Giuộc). Hiện đã cấp nước cho khoảng 19.650/20.400 hộ dân (đạt 96,3%) cơ bản giải quyết nguồn nước sạch cho 2 địa phương này. Tuy nhiên, một số hộ dân sống phân tán vẫn còn thiếu nước sạch sinh hoạt do chưa có điều kiện tiếp cận TCN tập trung.

- Vấn đề giá nước tại huyện Cần Đức phải qua nhiều TCN trung gian khi đến người dân thì giá nước tăng cao: Ngày 19/10/2020, UBND tỉnh có văn bản số 6360/UBND-KTTC quy định tạm thời giá nước sạch phù hợp với tình hình thực tế của 02 huyện Cần Đức, Cần Giuộc (đã có thuế GTGT 5%, chưa tính phí bảo vệ môi trường) cho các đại lý và các cơ sở cấp nước trên địa bàn 02 huyện Cần Đức, Cần Giuộc tiếp nhận nước nguồn từ Nhà máy nước Nhị Thành của Công ty CP ĐT hạ tầng nước DNP, trong đó quy định giá nước tiếp nhận của Công ty CP Cấp nước Long An là 8.290 đồng, giá nước bán lẻ cho hộ dân các xã là 11.000 đồng, khu vực đô thị là 12.000 đồng. Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo Công ty DNP tiếp tục áp dụng giá nước tạm thời này cho đến khi Công ty DNP được phê duyệt giá nước mới, và cung cấp trực tiếp cho các đơn vị tiếp nhận chưa có tuyến ống mạng lưới cấp nước để không phát sinh thêm chi phí dẫn đến tăng giá nước qua đơn vị trung gian, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Ngoài ra, UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện Cần Đức, Cần Giuộc đơn đốc các cơ sở cấp nước là đại lý của Công ty CP ĐT hạ tầng nước DNP xây dựng phương án giá trên cơ sở giá nước đầu vào đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí đầu theo hướng dẫn tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính để trình phê duyệt.

Tóm lại: Việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tiến tới thực hiện mục tiêu cấp nước an toàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, một số tồn đọng, bất cập về cung cấp nước sạch do đại biểu HĐND tỉnh và các cử tri phản ánh tại Chương trình Đối thoại vẫn chưa thể giải quyết xong, trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp giải quyết dứt điểm.

c) Đánh giá kết quả đạt được:

- Mặt được: Nhìn chung, UBND các huyện, thị xã, thành phố, và các đơn

vị liên quan đã nghiêm túc triển khai thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại Chương trình đối thoại về vấn đề điện, nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở nông thôn, mang lại những hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, vận hành CTCN trên địa bàn tỉnh:

+ Công tác quản lý, vận hành CTCN tại các huyện từng bước đi vào nề nếp, đã chấn chỉnh một số cơ sở cấp nước phải nâng cấp, đầu tư hệ thống khử trùng nước để đạt chất lượng nước sạch theo quy chuẩn.

+ Công tác đầu tư 12 DMCT tại các huyện, thị xã đạt tiến độ theo kế hoạch đã góp phần vào tiến trình nâng tỷ lệ nước sạch trong năm.

+ Các dự án cấp nước sinh hoạt cho các xã vùng hạ Cần Đước, Cần Giuộc cơ bản đã hoàn thành; các sở, ngành, UBND các huyện đã phối hợp với doanh nghiệp khẩn trương triển khai đầu nối cấp nước cho các trạm trung chuyển và cơ sở cấp nước lẻ cho người dân vùng hạ huyện Cần Đước, Cần Giuộc.

- Một số khó khăn, tồn tại:

+ Lĩnh vực đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn ít lợi nhuận, kinh phí đầu tư lớn, giá nước còn thấp nên chưa hấp dẫn các nhà đầu tư theo chủ trương xã hội hóa.

+ Mô hình quản lý chưa phù hợp, nhiều CTCN do UBND xã, cộng đồng, tư nhân quản lý, đây là mô hình quản lý thiếu chuyên nghiệp, không hiệu quả, thiếu quan tâm đến chất lượng nước, thiếu bền vững về tài chính, chưa thành lập ban quản lý, chưa lập giá nước tính đúng tính đủ các chi phí hợp lý đầu vào trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, nên phần lớn công trình không có kinh phí tái đầu tư.

+ Việc triển khai lập đoàn kiểm tra, giám sát các cơ sở cấp nước còn rất hạn chế, còn nhiều cơ sở cấp nước chất lượng nước không đảm bảo các chỉ tiêu theo quy chuẩn hiện hành do chưa nâng cấp hệ thống lọc, châm chất khử trùng theo quy định.

+ Kể từ ngày 01/7/2021 quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT hết hiệu lực, nước sạch sẽ được đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên nền tảng là QCVN 01-1:2018/BYT theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ Y tế thì khả năng các TCN quy mô nhỏ do UBND các xã, tư nhân, cộng đồng quản lý sẽ phải nâng cấp, cải tạo để đạt quy chuẩn mới trong điều kiện thiếu kinh phí để thực hiện.

- Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới: Để góp phần nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tăng cường thực hiện các nhiệm vụ còn hạn chế theo Công văn số

7783/UBND-KTTC ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh.

2. Đề nghị UBND tỉnh thông tin về Kế hoạch tổ chức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời cho các lực lượng tuyến đầu chống dịch bị nhiễm bệnh Covid - 19 trong thời gian tới với quy mô cấp tỉnh

Thực hiện Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19; Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương số 121/HD-BTĐKT ngày 13/01/2021 về khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống đại dịch Covid-19; số 2611/HD-BTĐKT ngày 06/10/2021 về khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống dịch và chiến thắng đại dịch Covid-19”; Hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại văn bản số 33/HD-TLĐ ngày 12/10/2021 về tiêu chí thi đua và khen thưởng Phong trào thi đua “Công nhân, viên chức, lao động nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19”; Thông tư số 38/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành y tế; Hướng dẫn số 2712/HD-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh hướng dẫn về việc khen thưởng thành tích trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, tỉnh đã khen thưởng và khen cao cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong công tác phòng chống dịch. Kết quả như sau:

Đã tổ chức xét khen thưởng và trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 01 tập thể, 01 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid-19, cụ thể: Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia phòng chống dịch tại tuyến đầu; Tập thể, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, giúp đỡ công tác phòng, chống dịch; tập thể, cá nhân có ý tưởng mới, sáng tạo tham gia cổ vũ, động viên, trợ giúp công tác phòng, chống dịch.

Trong đợt dịch lần thứ tư này, tỉnh đã khen tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 06 tập thể, 324 cá nhân đã hỗ trợ tỉnh Long An trong công tác phòng chống dịch Covid-19, cụ thể: Đội ngũ tình nguyện của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu; đoàn Bắc Giang; đoàn Bắc Ninh; Tổ hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế tại tỉnh Long An; Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên, Đoàn sư Tăng, cán bộ chiến sĩ do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Long An điều động tham gia công tác tại Trung tâm Hồi sức Covid-19 Trung ương trực thuộc Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên tại tỉnh Long An. Trình khen cấp trên gồm: Huân chương Lao động (01 tập thể); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (03 tập thể, 03 cá nhân); Bằng khen cấp Bộ, ngành, Đoàn thể TW (02 tập thể, 13 cá nhân); Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (254 tập thể, 425 cá nhân). Ngoài ra, Sở Y tế đã khen tặng Giấy khen cho 187 tập thể, 1.727 cá nhân là CBCCVC và người lao động đã tham gia công tác

phòng chống dịch Covid-19.

3. Chương trình hành động ứng phó với dịch Covid-19 của tỉnh ta trong thời gian tới như thế nào trước biến chủng delta và biến thể mới Omicron đang lây lan ở nhiều quốc gia và có nguy cơ rất cao xâm nhập vào nước ta

Chương trình hành động của Trung ương và tỉnh đã triển khai rất nhiều biện pháp ngăn chặn như:

- Lấy mẫu cho người nhập cảnh và nhóm người có nguy cơ để giải trình tự gen nhằm phát hiện sớm, cách ly điều trị kịp thời;

- Tổ chức tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho các đối tượng chưa được tiêm như trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi, từ 5 đến dưới 12 tuổi tiêm nhắc mũi 3, mũi 4 để người dân có miễn dịch tốt, hạn chế mắc bệnh và không diễn tiến nặng khi mắc Covid-19.

- Vận động tuyên truyền người dân, doanh nghiệp áp dụng cách biện pháp phòng chống dịch như 5K, tiêm vắc-xin đầy đủ theo quy định...

- Rà soát sắp xếp lại các cơ sở thu dung cách ly, điều trị bệnh nhân Covid-19, sẵn sàng các phương án triển khai khi dịch có diễn biến phức tạp.

Hiện nay, Tỉnh ta trong trạng thái bình thường mới, số ca mắc hàng ngày rất ít, số ca chuyển nặng gần như không còn, chỉ thở ô xy thông thường, tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng Covid-19 ở các nhóm tuổi đạt cao và tình hình sản xuất kinh doanh đã phục hồi. Tuy nhiên, tỉnh ta đã chủ động xây dựng kịch bản, chương trình hành động ứng phó với dịch Covid-19 theo 2 tình huống (1) là: Chủng vi rút vẫn tiếp tục tiến hóa, tuy nhiên do cộng đồng đã có miễn dịch nên số trường hợp nặng và tử vong giảm dần dẫn đến các ổ dịch không còn nghiêm trọng như trước hoặc xuất hiện biến chủng mới của vi rút SARS-CoV-2 nhưng ít nghiêm trọng hơn; với kịch bản này, chúng ta chuyển sang trạng thái bình thường mới, tức là đưa Covid-19 sang bệnh lưu hành (hoặc bệnh truyền nhiễm nhóm B), các hoạt động xã hội có thể trở về trạng thái bình thường như trước khi dịch Covid-19 xảy ra. (2) là: Xuất hiện biến chủng mới của vi rút SARS-CoV-2 có khả năng làm giảm hiệu quả vắc-xin hoặc miễn dịch, khiến ca nhiễm có triệu chứng nghiêm trọng hoặc tử vong tăng lên, đặc biệt ở các nhóm dễ bị tổn thương. Với kịch bản thứ hai này, tỉnh sẽ triển khai lại các biện pháp phòng dịch cấp bách như đã từng thực hiện.

4. Thực trạng các cơ sở vật chất hiện nay sau khi được trưng dụng làm khu cách ly dã chiến phòng, chống dịch Covid-19 (hủy bỏ hay chuyển công năng như thế nào?). Thời gian tới, việc đề xuất đầu tư hoàn chỉnh một số cơ sở hạ tầng y tế để dự phòng điều trị bệnh nhân dương tính Covid - 19 được thực hiện ra sao?

UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 1461/UBND-VHXXH ngày 21/02/2022 về việc sắp xếp, bố trí lại các cơ sở thu dung, điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Kể từ ngày 26/02/2022, trên địa bàn tỉnh Long An tiếp tục duy trì 14 cơ sở điều trị Covid-19 (tầng 2) với 840 giường; 05 cơ sở điều trị Covid-19 (tầng 3) với 380 giường (các Bệnh viện dã chiến thuộc tầng 1 được trưng dụng từ nhà kho nhà xưởng ngừng hoạt động thu dung điều trị bệnh nhân Covid-19).

Hiện nay tất cả cơ sở trưng dụng làm bệnh viện dã chiến điều trị Covid-19 đã hoàn trả lại cho doanh nghiệp và cơ sở giáo dục tiếp tục hoạt động.

Thực hiện theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về việc ban hành chương trình phòng, chống dịch Covid-19, tỉnh đã thành lập Khu điều trị Covid-19 (lồng ghép với Khoa Nhiễm) tại các cơ sở khám chữa bệnh và chỉ đạo các đơn vị đó vừa tổ chức khám chữa bệnh thường quy, vừa thu dung điều trị bệnh nhân COVID-19.

Cơ sở thu dung, điều trị bệnh nhân COVID-19 sau ngày 31/5/2022, gồm:

- Tầng 2 ngoài công lập: Bệnh viện Sản Nhi TWG Long An (69 giường).
- Tầng 2 công lập (465 giường):
 - + Bệnh viện dã chiến số 01 (Bệnh viện Phổi) (100 giường).
 - + Bệnh viện Tâm thần Long An (40 giường).
 - + Bệnh viện dã chiến số 13 tại BVĐKKV Đồng Tháp Mười cũ (100 giường).
 - + Trung tâm Y tế huyện Bến Lức (30 giường).
 - + Trung tâm Y tế huyện Tân Hưng (40 giường).
 - + Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Thủ Thừa, Đức Huệ mỗi đơn vị 20 giường; Cần Đước, Tân Trụ mỗi đơn vị 10 giường; Châu Thành (05 giường), tổng cộng 145 giường.
- Tầng 3 công lập (380 giường):
 - + Bệnh viện Đa khoa Long An: công suất 50 giường.
 - + Bệnh viện Đa khoa khu vực Cần Giuộc: công suất 50 giường.
 - + Bệnh viện Đa khoa khu vực Hậu Nghĩa: công suất 50 giường.
 - + Bệnh viện dã chiến số 13 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười (cũ): công suất 200 giường.
 - + Trung tâm Y tế huyện Bến Lức: công suất 30 giường.

Trường hợp tỉnh có số ca mắc COVID-19 và chuyển nặng nhiều vượt khả năng thu dung điều trị của các cơ sở trên, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo kích hoạt lần lượt lại các bệnh viện dã chiến được trung dụng cơ sở vật chất của doanh nghiệp hay cơ sở giáo dục đã ngưng hoạt động để thu dung điều trị.

5. Có những F0 có điều kiện tự test cho kết quả âm tính kết thúc cách ly sớm hơn thời gian quy định. Trong khi F1 phải cách ly đúng 14 ngày, như vậy là chưa hợp lý. Được biết, Bộ Y tế có lấy ý kiến cách ly F1 từ 14 ngày còn 7 ngày nhưng chưa áp dụng. Vậy xin hỏi Giám đốc Sở y tế có mạnh dạn đề xuất F1 được cách ly từ 14 ngày xuống còn 7 ngày không?

Các văn bản hướng dẫn trước đây của Bộ Y tế có quy định trường hợp F1 cách ly 14 ngày. Tuy nhiên, ngày 08/11/2021, Bộ Y tế ban hành công văn số 9472/BYT-MT về việc triển khai Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, trong đó có hướng dẫn về việc giảm thời gian cách ly các trường hợp F1 từ 14 ngày xuống 7 ngày (cho 01 số trường hợp tiêm vắc xin phòng Covid-19 đầy đủ).

Thực hiện Công văn số 9472/BYT-MT ngày 8/11/2021 và chỉ đạo của Trưởng ban chỉ đạo phòng chống dịch của tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Y tế có hướng dẫn số 8993/SYT-NV ngày 14/12/2021 về tạm thời cách ly F1 từ 14 ngày xuống 7 ngày đối với những trường hợp đã tiêm đủ 02 liều vắc-xin.

Đến thời điểm hiện tại thực hiện theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành việc thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Các trường trường hợp F1, F0 (không triệu chứng hay triệu chứng nhẹ) được cách ly, theo dõi chăm sóc điều trị tại nhà.

6. Theo kế hoạch số 3417/KH-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh và công văn số 12019 ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh thì khối THCS sẽ đi học trực tiếp trở lại vào ngày 20/12/2021. Tuy nhiên, đối tượng 11 tuổi tương ứng lớp 6 vẫn chưa được tiêm vắc xin, nên đề nghị Sở Y tế kiến nghị Bộ Y tế hoặc tham mưu UBND tỉnh có phương án để tiêm vắc xin cho độ tuổi 11 hoặc phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh phương án đi học lại cho phù hợp

Do thời điểm tháng 12/2021, Bộ Y tế chưa thống nhất được nguồn vắc-xin để tiêm cho trẻ và cũng chưa tìm được nguồn cung cấp vắc-xin cho trẻ em nên việc tiêm chủng cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi chưa thực hiện được; nên chỉ tiêm cho trẻ từ 12 tuổi trở lên.

Tiếp theo sau đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1929/QĐ-SYT ngày 07/3/2022 để triển khai kế hoạch tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho trẻ từ 5 tuổi đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh Long An năm 2022; đồng thời cũng có văn bản trình Bộ Y tế cung cấp vắc-xin sớm nhất để tiêm chủng cho trẻ.

Đến thời điểm hiện tại (31/5/2022) toàn tỉnh đã triển khai tiêm chủng cho trẻ từ 5-<12 tuổi đạt mũi 1: 63%, mũi 2: 15,3%.

7. Giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp tái sản xuất, đặc biệt là ổn định đời sống của người lao động tại các khu cụm công nghiệp, để họ an tâm lao động, đóng góp

Ngay khi dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đang hoạt động theo phương án “3 tại chỗ”, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2759/KH-UBND ngày 24/8/2021 - cho các Doanh nghiệp được thay thế, bổ sung lao động. Sau đó, khi tình hình dịch bệnh được cải thiện hơn, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2962/KH-UBND ngày 13/9/2021 và liên tục có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình để dần cho doanh nghiệp hoạt động trở lại. Đến khi dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3222/KH-UBND ngày 04/10/2021 cho tất cả các doanh nghiệp được hoạt động trở lại trên cơ sở đảm bảo các điều kiện phòng chống dịch. Có thể nói, Long An là một trong những tỉnh đầu tiên tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trở lại và đảm bảo tốt các điều kiện phòng chống dịch; đi cùng với đó là tỷ lệ tiêm vaccine đạt rất cao (tỷ lệ tiêm vaccine toàn dân mũi 1 đạt 100% và mũi 2 đạt trên 98%). Qua đó, đã góp phần thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch vừa phục hồi, phát triển kinh tế, xã hội”.

Nhờ thực hiện tốt các giải pháp tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp phòng chống dịch, đến nay hầu như tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã hoạt động trở lại với trên 80% lao động; các doanh nghiệp còn hoạt động chưa đạt hết công suất như bình thường chủ yếu là doanh nghiệp chưa có đơn hàng, hoặc là các doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực nhạy cảm với dịch bệnh như khách sạn, lễ hành, du lịch, các dịch vụ trò chơi trẻ em, hồ bơi,....

Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cùng với người lao động trong quá trình phục hồi sản xuất cũng còn gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể một số khó khăn như:

+ Đa số doanh nghiệp hoạt động lại nhưng vẫn còn tình trạng khan hiếm lao động do lao động về quê các tỉnh đang bùng dịch nên chưa thể quay lại và có một số công nhân xin nghỉ hẳn, theo khảo sát hiện nay doanh nghiệp đang thiếu hụt khoảng 10% lao động; phục hồi năng suất đạt từ 70-80% so với trước dịch Covid-19 do thời gian nghỉ dịch nên đã mất khách hàng, gặp khó khăn về vốn để tái đầu tư và thiếu hụt lao động.

+ Nguyên liệu, hàng hóa nhập từ nước ngoài về gặp nhiều khó khăn, chậm trễ, khan hiếm, giá thành cao.

+ Dịch bệnh phát sinh trong doanh nghiệp còn xảy ra nhiều ảnh hưởng đến việc sản xuất của doanh nghiệp; Nhiều khoản chi phí phát sinh liên quan đến công tác phòng, chống dịch như: chi phí xét nghiệm, chi đầu tư để đáp ứng các điều kiện về kiểm soát an toàn dịch bệnh tại doanh nghiệp.

+ Việc áp dụng không thống nhất các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thích ứng với dịch bệnh trong tình hình mới khi một số địa phương vẫn duy trì các chốt kiểm soát, gây khó khăn cho các hoạt động lưu thông, cung ứng hàng hóa phục vụ sản xuất cũng như di chuyển của người lao động.

Từ những khó khăn doanh nghiệp gặp phải như trên, để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình tái sản xuất, đặc biệt là ổn định đời sống của người lao động, UBND tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp như sau:

+ Tăng cường các trạm y tế lưu động, các sở y tế tập trung tại các khu, cụm công nghiệp; thực hiện “3 sẵn sàng” đối với y tế cơ sở (sẵn sàng về chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng về trang thiết bị y tế và sẵn sàng về đường dân nóng) để kịp thời phối hợp với doanh nghiệp trong việc điều trị bệnh nhân Covid-19 ngay từ tuyến cơ sở.

+ Kịp thời tiêm vắc xin cho tất cả người lao động của các doanh nghiệp.

+ Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp. Thường xuyên gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp để nắm được các khó khăn, kịp thời tháo gỡ cho doanh nghiệp; triển khai ngay các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp khi trung ương ban hành để giúp giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp như: miễn, giảm, gia hạn các khoản thuế, phí, lệ phí; hỗ trợ về tín dụng; các chính sách về bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo lao động...

+ Kết nối lại và đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch để thu hút đầu tư, tìm đầu ra cho sản phẩm của tỉnh, phát triển du lịch. Xúc tiến việc thành lập Khu kinh tế ven biển và Trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm thu hút các dự án lớn, công nghệ cao, giúp kết nối và tạo điều kiện đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp hiện có của tỉnh.

+ Thống nhất với các tỉnh, thành phố trong vùng Thành phố Hồ Chí Minh (gồm các tỉnh, thành phố: TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh) về Thỏa thuận hợp tác liên kết vùng trong phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế; theo đó, các địa phương thống nhất thỏa thuận hợp tác liên kết vùng trong: Các vấn đề về y tế và dịch tễ; Về lưu thông, vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ; về di chuyển lao động, chuyên gia, nhà quản lý giữa các tỉnh, thành... Ngoài ra, còn thống nhất với các tỉnh lân cận trong việc di chuyển của người lao động (đã thống nhất với tỉnh Tiền Giang).

+ Tiếp tục triển khai việc hỗ trợ theo các chính sách của Trung ương cho người lao động gặp khó khăn do dịch bệnh (Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP; Quyết định số 23/QĐ-TTg, Quyết định số 33/QĐ-TTg); đồng thời tỉnh sẽ huy động sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp của cùng hỗ trợ cho người lao động.

+ Bên cạnh đó, để thu hút, giữ chân người lao động sinh sống và làm việc lâu dài trên địa bàn, Tỉnh đang xúc tiến việc xây dựng và triển khai đề án xây dựng nhà ở cho công nhân với mục tiêu xây dựng 500.000 đến 1.000.000 căn đến năm 2030.

+ Ngoài ra, còn thành lập đường dây nóng tiếp nhận, xử lý phản ánh, hỗ trợ doanh nghiệp về phòng, chống dịch Covid-19. Tạo các nhóm Zalo trao đổi thông tin giữa Sở, địa phương với doanh nghiệp nhằm triển khai nhanh các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh trong hoạt động tái sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở trạng thái bình thường mới.

Với các giải pháp trên, hy vọng sẽ góp phần giúp các doanh nghiệp, người lao động giảm bớt khó khăn trong quá trình phục hồi sản xuất, góp phần giúp kinh tế xã hội của tỉnh phục hồi và tăng trưởng cao trong năm 2022, tạo tiền đề hoàn thành cao nhất chỉ tiêu tăng trưởng mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra.

8. Giải pháp đã triển khai thực hiện để đạt chỉ tiêu giảm hộ nghèo năm 2021 và cho năm 2022

Năm 2022, thực hiện chuẩn nghèo mới theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025. Theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 đến năm 2025 giảm 50% hộ nghèo đa chiều theo tiêu chí mới so với đầu nhiệm kỳ, năm 2021 sẽ giảm 15% hộ nghèo so với đầu năm.

Để đảm bảo đạt mục tiêu giảm nghèo, UBND tỉnh giao ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục triển khai các giải pháp giảm nghèo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của tỉnh thời gian qua, đồng thời tổ chức triển khai, thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

- Về công tác tuyên truyền: Tiếp tục tuyên truyền chủ trương, chính sách, mô hình, việc làm hay về thực hiện giảm nghèo để nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, cùng trách nhiệm phối hợp thực hiện. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên, định kỳ, chú ý hộ gia đình có người lao động từ các tỉnh, thành trở về, để kịp thời hỗ trợ theo quy định.

- Về tín dụng: Trong 5 tháng đầu năm 2022, tổng số tiền cho vay hộ

nghèo 10.387 triệu đồng với 241 lượt hộ nghèo vay; dư nợ đến 31/5/2022 đạt 151.133 triệu đồng với 4.288 hộ đang còn dư nợ; cho vay hộ cận nghèo tổng số tiền cho vay là 54.474 triệu đồng với 1.195 lượt hộ vay, dư nợ đến 31/5/2022 đạt 671.609 triệu đồng với 16.647 hộ đang còn dư nợ.

- Về kết quả giảm nghèo tổng số hộ nghèo đầu năm 2022 là 6.296 hộ, trong đó hộ thoát nghèo là 62 hộ, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh hiện còn 6.234 hộ trên tổng số 479.632 hộ dân, chiếm tỷ lệ 1,30%, tổng số hộ cận nghèo đầu năm là 11.570 hộ, trong đó hộ phát sinh 16 hộ, tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh hiện là 11.586 hộ trên tổng số 479.632 hộ dân, chiếm tỷ lệ 2,42%.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh. Mở rộng và duy trì bảo hiểm y tế toàn dân, bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

Để đảm bảo đạt mục tiêu giảm nghèo, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục triển khai các giải pháp giảm nghèo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của tỉnh thời gian qua, đồng thời tổ chức triển khai, thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể hướng đến điều kiện, hoàn cảnh cụ thể từng hộ, từng thành viên trong hộ, nhất là thanh thiếu niên và trẻ em để tác động thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, học bổng, phương tiện đồ dùng học tập, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi sớm vươn lên thoát nghèo.

9. Thực hiện chủ trương các cơ sở y tế công lập phải sàng lọc y tế trước khi người bệnh đến khám bệnh, trong khi đối tượng cán bộ hưu trí, gia đình chính sách, hộ nghèo, các đối tượng này khám bệnh lấy thuốc thì được thanh toán kinh phí BHYT nhưng tiền test thì không được thanh toán. Cơ bản 1 lần khám bệnh hoặc đi nhận thuốc định kỳ thì tiền thuốc ít hơn tiền test (những đối tượng trên bức xúc, lấy tiền test ra ngoài mua thuốc, tiền còn dư có khi thuốc có hiệu quả hơn). Vậy BHXH tỉnh mạnh dạng đưa chi phí test vào thanh toán BHYT

Đối với nội dung liên quan đến chi phí xét nghiệm Test nhanh Covid-19 tại các cơ sở khám chữa bệnh, BHXH tỉnh Long An có ý kiến như sau:

Việc thanh toán chi phí xét nghiệm Covid-19 theo chế độ BHYT được thực hiện theo Công văn số 2172/BHXH-CSYT ngày 22/7/2021 của BHXH Việt Nam. Tại Khoản 1, Công văn 2172/BHXH-CSYT hướng dẫn: Thanh toán chi phí xét nghiệm Covid-19 theo chế độ BHYT các trường hợp người tham gia BHYT đi khám chữa bệnh ngoại trú hoặc đang điều trị nội trú **có triệu chứng nghi ngờ mắc Covid-19 và được chỉ định thực hiện xét nghiệm** chẩn đoán căn nguyên theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 3416/QĐ-BYT thì được quỹ BHYT thanh toán. Cụ thể bao gồm các trường hợp quy định tại Tại Điểm 1.1, Mục 1, Phần 2 Quyết định 3416/QĐ-BYT:

“A. Người bệnh có sốt và/hoặc viêm đường hô hấp cấp tính không lý giải được bằng các nguyên nhân khác.

B. Người bệnh có bất kỳ triệu chứng hô hấp nào VÀ có tiền sử đến/qua/ở/về từ vùng dịch tễ có bệnh COVID-19 trong khoảng 14 ngày trước khi khởi phát các triệu chứng **HOẶC** tiếp xúc gần với trường hợp bệnh nghi ngờ hoặc xác định COVID-19 trong khoảng 14 ngày trước khi khởi phát các triệu chứng”.

Mặt khác, Bộ Y tế đã có Công văn số 5028/BYT-KHTC ngày 23/6/2021 về hướng dẫn nguồn kinh phí chi trả xét nghiệm vi rút SARS-CoV-2 khi tăng cường thực hiện xét nghiệm tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn hiện hành, các trường hợp test sàng lọc Covid-19 **trước khi người bệnh đến khám bệnh** không thuộc đối tượng được thanh toán BHYT. BHXH tỉnh Long An đã phản ánh về BHXH Việt Nam đề kiến nghị Bộ Y tế xem xét, khi nào có hướng dẫn mới của Bộ Y tế, BHXH tỉnh sẽ triển khai thực hiện.

10. Trong đợt dịch Covid-19 vừa qua thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp phải ngừng việc để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện Nghị quyết 28/NQ-CP ngày 01/7/2021; Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021; Quyết định 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên khi lập hồ sơ để hưởng chính sách hỗ trợ thì có khoảng 60% người lao động được hưởng, lý do người lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Giải pháp gì nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động, để người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định?

** Đối với công tác thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19:*

a) Về thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Tính đến thời điểm ngày 31/01/2022, đã thực hiện được cụ thể như sau:

- Gửi thông báo giảm mức đóng: Đã hoàn thành việc gửi thông báo đến đơn vị sử dụng lao động về thực hiện giảm mức đóng vào quỹ BHTNLĐ, BNN bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH trước ngày 16/7/2021.

- Giải quyết tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất: đã giải quyết tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất cho 15 đơn vị với 1.266 lao động từ tháng 08/2021, thời gian tạm dừng là 06 tháng với số tiền là 15.241 triệu đồng.

+ Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (Mẫu số 05): 1.651 doanh nghiệp với 137.216 lao động.

+ Danh sách lao động ngừng việc (Mẫu số 06): 74 doanh nghiệp với 46.681 lao động.

+ Danh sách người lao động ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (Mẫu số 13a): 15 doanh nghiệp với 1.746 lao động.

+ Danh sách người lao động được người sử dụng lao động đề nghị vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất (Mẫu số 13b): 21 doanh nghiệp với 8.567 lao động.

b) Về thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ BHTN. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, giải quyết được cụ thể như sau:

- Thông báo đến 4.780 đơn vị sử dụng lao động với tổng số lao động được giảm mức đóng là 306.360 người tương ứng với số tiền tạm tính giảm đóng Quỹ BHTN từ 1% xuống 0% trong 12 tháng, kể từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022 là 199 tỷ đồng.

- Gửi danh sách 306.360 người lao động đang tham gia BHTN đến 4.780 đơn vị sử dụng lao động để người lao động xác nhận thông tin nhân thân và thời gian đóng làm căn cứ xác định mức hưởng (đạt tỷ lệ 100%).

- Có 4.666 đơn vị gửi lại Mẫu số 02 và Mẫu số 03 với 304.834 lao động (bằng 97,62% tổng số đơn vị và 99,50% số lao động đã nhận danh sách do cơ quan BHXH gửi).

- Giải quyết được 322.869 lao động với số tiền 751.408.000.000 đồng, trong đó lao động đang tham gia BHTN là 298.816 người với số tiền 703.953.300.00 đồng (đạt 97,54% so với ước thực hiện), lao động đã dừng tham gia BHTN là 24.053 người với số tiền 47.454.700.000 đồng. Với tỷ lệ chi qua tài khoản cá nhân người hưởng là 316.875 người chiếm 98,14% và chi bằng tiền mặt là 5.992 người chiếm 1,86%.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số khó khăn như: Một số người lao động đang nghỉ việc không lương chưa quay lại đơn vị làm việc đồng thời đơn vị cũng không liên hệ được để làm thủ tục nhận hỗ trợ; người lao động đã dừng tham gia BHTN di chuyển về các địa phương sau thời gian

dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thuộc đối tượng hỗ trợ nhưng chưa chủ động liên hệ với cơ quan BHXH để làm thủ tục nhận hỗ trợ.

c) Một số nguyên nhân người lao động không được tham gia BHXH dẫn đến không được hưởng các chính sách hỗ trợ:

- Thực tế hiện nay có tình trạng một số doanh nghiệp không thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Việc vi phạm này có thể xảy ra dưới hình thức như không đóng đủ số tháng hoặc không đóng đủ số người thuộc diện tham gia BHXH. Thậm chí, có nhiều trường hợp người lao động vẫn bị trừ tiền lương hằng tháng để tham gia BHXH, nhưng doanh nghiệp lại không đóng BHXH cho người lao động.

- Nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc của người sử dụng lao động còn hạn chế, nhất là ở khu vực doanh nghiệp tư nhân, nhiều doanh nghiệp cố tình không đóng BHXH, BHYT hoặc chỉ đóng BHXH, BHYT cho một số người trong bộ khung quản lý.

- Người lao động làm việc tại các doanh nghiệp phá sản, rút giấy phép kinh doanh hoặc có chủ là người nước ngoài bỏ trốn mà còn nợ tiền đóng BHXH, BHTN.

** Giải pháp để người lao động được tham gia BHXH bắt buộc theo quy định:*

- Chỉ đạo BHXH các huyện, thị xã tham mưu UBND cùng cấp chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT cấp xã. Đồng thời, phối hợp với các phòng, ban có liên quan nắm danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác có sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc để lập kế hoạch khai thác, phát triển đối tượng; trường hợp đơn vị không tham gia theo quy định pháp luật, lập danh sách báo cáo, đề xuất UBND cấp huyện có kế hoạch thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với các đơn vị sử dụng lao động, tập trung thanh tra các đơn vị sử dụng lao động cố tình không đóng, nợ đóng BHXH, chưa tham gia BHXH đầy đủ cho số lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN; tập hợp hồ sơ, tài liệu đối với các đơn vị có hành vi trốn đóng, gian lận, trục lợi BHXH, BHYT, BHTN chuyển cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

- Nắm bắt tình hình hoạt động doanh nghiệp trên địa bàn để thông tin đến người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương hoặc chấm dứt hợp đồng lao động quay trở lại làm việc, tiếp tục tham gia BHXH, BHYT.

- Tăng cường các biện pháp, hình thức tuyên truyền Luật BHXH, Luật BHYT; ứng dụng VssID-BHXH số có hiệu quả; giải thích, cung cấp đầy đủ thông tin, giúp người sử dụng lao động, người lao động và nhân dân hiểu rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh khóa X; UBND tỉnh gửi đến đại biểu HĐND tỉnh, để thông tin đến đồng bào cử tri biết./.

Nơi nhận:

- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Long An;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và TP;
- Chánh VP, các Phó CVP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Phòng: THKSTTHC+KTTC+VHXH;
- Ban NC-TCD tỉnh;
- Lưu: VT.

BC_giaitrihNQ111chatvancuaHDNDtinhkhoaX.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út